

Số: 330/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng giấy khen cho sinh viên Ngành Khoa học Máy tính
Đạt thành tích tốt Trong học tập và rèn luyện
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-ĐHCNTT-CTSV ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên học kỳ 1 năm học 2021 - 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho 599 sinh viên Ngành Khoa học Máy tính đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2: Sinh viên được nhận giấy khen của Ban Giám hiệu Nhà trường.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Khoa, Phòng Ban chức năng có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
CÓ THÀNH TÍCH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN TỐT
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 330/QĐ-ĐHCNTT ngày 18 tháng 5 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
1.	18520286	Trần Xuân Hưng	KHCL2018.1	9.07	100	Xuất sắc
2.	18520311	Đặng Hoàng Minh	KHCL2018.1	8.37	100	Giỏi
3.	18520406	Trần Tuấn Vỹ	KHCL2018.1	8.95	100	Giỏi
4.	18520430	Nguyễn Hoàng An	KHCL2018.1	9.29	100	Xuất sắc
5.	18520456	Nguyễn Huỳnh Anh	KHCL2018.1	9.43	100	Xuất sắc
6.	18520471	Tô Viết Anh	KHCL2018.1	9	100	Xuất sắc
7.	18520504	Vũ Gia Bảo	KHCL2018.1	8.3	91	Giỏi
8.	18520600	Nguyễn Thanh Điền	KHCL2018.1	9.13	100	Xuất sắc
9.	18520603	Nguyễn Xuân Đình	KHCL2018.1	8.67	100	Giỏi
10.	18520606	Nguyễn Hữu Doanh	KHCL2018.1	9.23	100	Xuất sắc
11.	18520634	Mai Viết Dũng	KHCL2018.1	8.12	91	Giỏi
12.	18520661	Lê Khánh Duy	KHCL2018.1	8.64	100	Giỏi
13.	18520672	Phạm Tiến Duy	KHCL2018.1	9.33	100	Xuất sắc
14.	18520730	Bạch Văn Hiếu	KHCL2018.1	8.36	100	Giỏi
15.	18521506	Nguyễn Đức Toàn	KHCL2018.1	8.14	91	Giỏi
16.	18520186	Ngô Đức Tuấn	KHCL2018.2	9.33	91	Xuất sắc
17.	18520797	Lê Quang Hưng	KHCL2018.2	9.7	100	Xuất sắc
18.	18520833	Lê Bảo Huy	KHCL2018.2	9	100	Xuất sắc
19.	18520855	Tô Nhật Huy	KHCL2018.2	9.3	100	Xuất sắc
20.	18520930	Phạm Đăng Khoa	KHCL2018.2	8.61	91	Giỏi
21.	18520946	Trần Anh Khôi	KHCL2018.2	8.3	100	Giỏi
22.	18520987	Nguyễn Hoàng Linh	KHCL2018.2	8.4	91	Giỏi
23.	18521011	Nguyễn Tuấn Lộc	KHCL2018.2	8.7	100	Giỏi
24.	18521027	Lê Hoàng Long	KHCL2018.2	8.45	86	Giỏi
25.	18521087	Bùi Quang Minh	KHCL2018.2	8.13	100	Giỏi
26.	18521126	Nguyễn Hoài Nam	KHCL2018.2	8.62	100	Giỏi
27.	18521162	Phạm Duy Giác Nguyên	KHCL2018.2	9	100	Xuất sắc
28.	18521253	Lê Trương Hoàng Phúc	KHCL2018.3	8.2	100	Giỏi
29.	18521256	Nguyễn Hoàng Phúc	KHCL2018.3	8.22	100	Giỏi
30.	18521283	Đỗ Mạnh Quân	KHCL2018.3	9.42	100	Xuất sắc
31.	18521299	Nguyễn Minh Quang	KHCL2018.3	8.13	100	Giỏi
32.	18521349	Nguyễn Minh Sơn	KHCL2018.3	8.1	81	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
33.	18521351	Trần Hoàng Sơn	KHCL2018.3	9.25	100	Xuất sắc
34.	18521427	Nguyễn Hoàng Thiên	KHCL2018.3	9.18	100	Xuất sắc
35.	18521447	Nguyễn Trường Thịnh	KHCL2018.3	9.33	100	Xuất sắc
36.	18521448	Nguyễn Văn Thịnh	KHCL2018.3	8.93	86	Giỏi
37.	18521453	Hoàng Sơn Thọ	KHCL2018.3	9.06	100	Xuất sắc
38.	18521503	Đặng Hữu Toàn	KHCL2018.3	8.01	91	Giỏi
39.	18521516	Hồ Ngọc Tôn	KHCL2018.3	8	81	Giỏi
40.	18521536	Lê Anh Triều	KHCL2018.3	8.6	100	Giỏi
41.	18521558	Phạm Tiến Trung	KHCL2018.3	9.08	100	Xuất sắc
42.	18521571	Phạm Ngọc Trường	KHCL2018.3	9.25	95	Xuất sắc
43.	18521603	Nguyễn Nhật Tuấn	KHCL2018.3	8.62	100	Giỏi
44.	18521630	Dương Trọng Văn	KHCL2018.3	9.29	100	Xuất sắc
45.	18521653	Nguyễn Kiều Vinh	KHCL2018.3	8.9	100	Giỏi
46.	18521662	Đinh Xuân Vũ	KHCL2018.3	9.8	100	Xuất sắc
47.	19520007	Võ Khánh An	KHCL2019.1	9.95	100	Xuất sắc
48.	19520078	Đỗ Thị Thanh Hiền	KHCL2019.1	8.22	100	Giỏi
49.	19520112	Nguyễn Nhật Huy	KHCL2019.1	8.19	100	Giỏi
50.	19520186	Nguyễn Phạm Vĩnh Nguyên	KHCL2019.1	8.17	95	Giỏi
51.	19520188	Thái Trần Khánh Nguyên	KHCL2019.1	9.18	100	Xuất sắc
52.	19520197	Lê Đoàn Thiện Nhân	KHCL2019.1	8.68	100	Giỏi
53.	19520208	Huỳnh Phương Như	KHCL2019.1	9.35	100	Xuất sắc
54.	19520209	Nguyễn Khánh Như	KHCL2019.1	8.45	100	Giỏi
55.	19520235	Đoàn Nguyễn Nhật Quang	KHCL2019.1	8.4	100	Giỏi
56.	19520464	Trương Chí Diễm	KHCL2019.1	8.98	100	Giỏi
57.	19520592	Dương Huỳnh Huy	KHCL2019.1	9.15	100	Xuất sắc
58.	19520658	Phạm Minh Khôi	KHCL2019.1	9.52	100	Xuất sắc
59.	19520687	Nguyễn Phú Lộc	KHCL2019.1	9.02	100	Xuất sắc
60.	19520954	Lê Thị Thanh Thanh	KHCL2019.1	9.16	100	Xuất sắc
61.	19520993	Nguyễn Gia Thống	KHCL2019.1	8.73	100	Giỏi
62.	19521020	Lâm Thành Tín	KHCL2019.1	9.07	100	Xuất sắc
63.	19521043	Lê Văn Trí	KHCL2019.1	8.73	100	Giỏi
64.	19521172	Đoàn Duy Ân	KHCL2019.1	8.76	100	Giỏi
65.	19521228	Vũ Tuấn Anh	KHCL2019.1	8.69	100	Giỏi
66.	19521242	Lương Phạm Bảo	KHCL2019.1	9.5	100	Xuất sắc
67.	19521270	Trương Quốc Bình	KHCL2019.1	8.52	100	Giỏi
68.	19521281	Trương Minh Châu	KHCL2019.1	8.82	100	Giỏi
69.	19521326	Trịnh Công Danh	KHCL2019.1	8.75	100	Giỏi
70.	19521332	Lê Thành Đạt	KHCL2019.1	8.48	95	Giỏi
71.	19521349	Phạm Quốc Đạt	KHCL2019.1	8.55	100	Giỏi
72.	19521383	Võ Phạm Duy Đức	KHCL2019.1	8.96	100	Giỏi
73.	19521386	Bùi Trí Dũng	KHCL2019.1	8.71	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
74.	19521392	Lưu Anh Dũng	KHCL2019.1	8.23	100	Giỏi
75.	19521394	Nguyễn Anh Dũng	KHCL2019.1	8.8	100	Giỏi
76.	19521400	Nguyễn Văn Dũng	KHCL2019.1	8.91	100	Giỏi
77.	19521412	Phạm Ngọc Dương	KHCL2019.1	8.66	100	Giỏi
78.	19521434	Trần Hoàn Đức Duy	KHCL2019.1	8.85	100	Giỏi
79.	19520448	Vũ Quốc Minh Đăng	KHCL2019.2	8.89	100	Giỏi
80.	19520925	Phạm Ngọc Tân	KHCL2019.2	9.64	100	Xuất sắc
81.	19521464	Nguyễn Dương Hải	KHCL2019.2	8.74	100	Giỏi
82.	19521482	Trần Vĩ Hào	KHCL2019.2	9.1	100	Xuất sắc
83.	19521483	Bùi Thị Bích Hậu	KHCL2019.2	8.51	100	Giỏi
84.	19521488	Nguyễn Thị Thảo Hiền	KHCL2019.2	8.63	91	Giỏi
85.	19521490	Tô Thanh Hiền	KHCL2019.2	8.75	100	Giỏi
86.	19521512	Phạm Trung Hiếu	KHCL2019.2	8.26	86	Giỏi
87.	19521547	Trịnh Minh Hoàng	KHCL2019.2	8.51	91	Giỏi
88.	19521571	Nguyễn Hữu Hưng	KHCL2019.2	8.77	100	Giỏi
89.	19521587	Trần Tiến Hưng	KHCL2019.2	8.72	100	Giỏi
90.	19521612	Lê Đặng Đăng Huy	KHCL2019.2	8.66	100	Giỏi
91.	19521617	Lê Quang Huy	KHCL2019.2	8.88	100	Giỏi
92.	19521622	Nguyễn Quan Huy	KHCL2019.2	8.82	100	Giỏi
93.	19521634	Tạ Huỳnh Đức Huy	KHCL2019.2	8.32	100	Giỏi
94.	19521676	Đỗ Trọng Khánh	KHCL2019.2	8.89	100	Giỏi
95.	19521766	Phan Anh Lộc	KHCL2019.2	8.35	100	Giỏi
96.	19521797	Phạm Minh Long	KHCL2019.2	8.5	100	Giỏi
97.	19521818	Nguyễn Thị Ly	KHCL2019.2	8.2	100	Giỏi
98.	19521820	Đặng Xuân Mai	KHCL2019.2	8.97	100	Giỏi
99.	19521832	Đặng Văn Minh	KHCL2019.2	8.59	100	Giỏi
100.	19521874	Trịnh Tuấn Nam	KHCL2019.2	9.2	100	Xuất sắc
101.	19521877	Võ Khoa Nam	KHCL2019.2	8.63	91	Giỏi
102.	19521899	Nguyễn Thành Nghĩa	KHCL2019.2	8.57	100	Giỏi
103.	19521943	Phan Nguyễn Thành Nhân	KHCL2019.2	9.4	100	Xuất sắc
104.	19521689	Lê Trần Trọng Khiêm	KHCL2019.3	8.89	100	Giỏi
105.	19521956	Phan Minh Nhật	KHCL2019.3	9.44	91	Xuất sắc
106.	19521993	Lê Võ Tiến Phát	KHCL2019.3	8.11	91	Giỏi
107.	19522028	Đỗ Hoàng Phúc	KHCL2019.3	8.09	100	Giỏi
108.	19522062	Nguyễn Duy Phương	KHCL2019.3	8.36	100	Giỏi
109.	19522078	Lê Ngọc Anh Quân	KHCL2019.3	8.35	96	Giỏi
110.	19522081	Nguyễn Lê Anh Quân	KHCL2019.3	9.02	100	Xuất sắc
111.	19522143	Trương Minh Sơn	KHCL2019.3	8.53	91	Giỏi
112.	19522147	Cát Văn Tài	KHCL2019.3	8.8	100	Giỏi
113.	19522174	Nguyễn Ngọc Tân	KHCL2019.3	8.03	86	Giỏi
114.	19522179	Trịnh Nhật Tân	KHCL2019.3	8.99	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
115.	19522195	Dương Đình Thắng	KHCL2019.3	9.42	100	Xuất sắc
116.	19522255	Hoàng Ngọc Bá Thi	KHCL2019.3	8.4	100	Giỏi
117.	19522295	Trương Thị Kim Thoa	KHCL2019.3	8.93	100	Giỏi
118.	19522309	Nguyễn Việt Thư	KHCL2019.3	8.81	100	Giỏi
119.	19522312	Dương Nguyễn Thuận	KHCL2019.3	9.43	100	Xuất sắc
120.	19522337	Nguyễn Khả Tiến	KHCL2019.3	8.93	100	Giỏi
121.	19522363	Nguyễn Mạnh Toàn	KHCL2019.3	8.7	100	Giỏi
122.	19522395	Trương Đình Đức Trí	KHCL2019.3	9.35	86	Giỏi
123.	19522432	Nguyễn Thành Trung	KHCL2019.3	8.5	96	Giỏi
124.	19522446	Trương Quốc Trường	KHCL2019.3	9.08	100	Xuất sắc
125.	19522474	Nguyễn Quang Tuấn	KHCL2019.3	8.92	100	Giỏi
126.	19522477	Nguyễn Trung Tuấn	KHCL2019.3	8.59	100	Giỏi
127.	19522486	Trương Văn Tuấn	KHCL2019.3	9.18	100	Xuất sắc
128.	19522492	Huỳnh Thiện Tùng	KHCL2019.3	9.07	100	Xuất sắc
129.	19522542	Nguyễn Thành Vương	KHCL2019.3	9.05	100	Xuất sắc
130.	20520237	Trần Tấn Lộc	KHCL2020.1	8.15	100	Giỏi
131.	20520273	Bùi Quang Phú	KHCL2020.1	8.77	100	Giỏi
132.	20520278	Phạm Hoàng Phúc	KHCL2020.1	9.47	100	Xuất sắc
133.	20520304	Nguyễn Quốc Thái	KHCL2020.1	8.76	100	Giỏi
134.	20520313	Nguyễn Hồng Anh Thư	KHCL2020.1	8.51	100	Giỏi
135.	20520375	Phạm Phước An	KHCL2020.1	8.63	100	Giỏi
136.	20520465	Nguyễn Vũ Dương	KHCL2020.1	8.2	100	Giỏi
137.	20520527	Nguyễn Phúc Hưng	KHCL2020.1	8.23	91	Giỏi
138.	20520528	Phạm Hoàng Hưng	KHCL2020.1	8.56	100	Giỏi
139.	20520574	Lê Trần Quốc Khánh	KHCL2020.1	8.91	100	Giỏi
140.	20520575	Nguyễn Hoàng Nam Khánh	KHCL2020.1	8.44	100	Giỏi
141.	20520641	Đinh Phương Nam	KHCL2020.1	8.01	100	Giỏi
142.	20520670	Nguyễn Trung Nhân	KHCL2020.1	8.02	100	Giỏi
143.	20520707	Huỳnh Minh Quân	KHCL2020.1	8.01	100	Giỏi
144.	20520732	Đoàn Ngọc Như Quỳnh	KHCL2020.1	8.94	100	Giỏi
145.	20520767	Trương Thị Thanh Thanh	KHCL2020.1	8.15	100	Giỏi
146.	20520775	Nguyễn Phan Quốc Thiện	KHCL2020.1	8.75	100	Giỏi
147.	20520793	Cao Thế Thuận	KHCL2020.1	9.12	100	Xuất sắc
148.	20520795	Nguyễn Minh Thuận	KHCL2020.1	8.82	100	Giỏi
149.	20520841	Cao Khắc Tuấn	KHCL2020.1	8	100	Giỏi
150.	20520934	Bùi Quốc Thịnh	KHCL2020.1	8.78	100	Giỏi
151.	20520944	Tôn Anh Trúc	KHCL2020.1	8.66	100	Giỏi
152.	20521072	Nguyễn Thị Kim Anh	KHCL2020.1	8.69	100	Giỏi
153.	20521107	Phạm Thiện Bảo	KHCL2020.1	8.31	100	Giỏi
154.	20521119	Vũ Quốc Thái Bình	KHCL2020.1	8.12	86	Giỏi
155.	20521159	Nguyễn Huỳnh Hải Đăng	KHCL2020.1	8.86	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
156.	20521162	Bùi Viết Đạt	KHCL2020.1	8.88	94	Giỏi
157.	20521305	Mai Hiếu Hiền	KHCL2020.2	8.48	100	Giỏi
158.	20521360	Châu Phạm Quốc Hưng	KHCL2020.2	8.76	86	Giỏi
159.	20521363	Lê Quang Hùng	KHCL2020.2	8.24	100	Giỏi
160.	20521384	Hoàng Đình Hữu	KHCL2020.2	8.26	86	Giỏi
161.	20521410	Phạm Bùi Nhật Huy	KHCL2020.2	8.3	100	Giỏi
162.	20521446	Huỳnh Nguyễn Văn Khánh	KHCL2020.2	9.44	100	Xuất sắc
163.	20521451	Nguyễn Huy Khánh	KHCL2020.2	8.47	100	Giỏi
164.	20521467	Lê Văn Khoa	KHCL2020.2	8.83	100	Giỏi
165.	20521482	Trần Đình Khôi	KHCL2020.2	8.43	100	Giỏi
166.	20521493	Bùi Tuấn Kiệt	KHCL2020.2	8.37	100	Giỏi
167.	20521517	Nguyễn Thành Lâm	KHCL2020.2	8.4	100	Giỏi
168.	20521546	Lê Tấn Lộc	KHCL2020.2	8.95	100	Giỏi
169.	20521553	Võ Hoàng Lộc	KHCL2020.2	8.22	100	Giỏi
170.	20521574	Trần Đức Long	KHCL2020.2	8.11	100	Giỏi
171.	20521576	Trần Văn Long	KHCL2020.2	8.7	100	Giỏi
172.	20521642	Phạm Thị Bích Nga	KHCL2020.2	8.64	100	Giỏi
173.	20521663	Nguyễn Đặng Bảo Ngọc	KHCL2020.2	8.01	100	Giỏi
174.	20521708	Nguyễn Minh Nhật	KHCL2020.2	9.14	100	Xuất sắc
175.	20521769	Nguyễn Thanh Phúc	KHCL2020.2	8.18	100	Giỏi
176.	20521775	Lê Trần Hữu Phước	KHCL2020.2	8.42	96	Giỏi
177.	20521826	Lữ Thị Thủy Quỳnh	KHCL2020.2	8.74	100	Giỏi
178.	20521855	Đàm Vũ Trọng Tài	KHCL2020.2	8.46	100	Giỏi
179.	20521938	Trần Phương Thảo	KHCL2020.2	8.65	100	Giỏi
180.	20521960	Lương Lý Công Thịnh	KHCL2020.2	8.49	100	Giỏi
181.	20521976	Lê Hoàng Thoại	KHCL2020.2	8.8	100	Giỏi
182.	20521990	Bùi Văn Thuận	KHCL2020.2	8.43	100	Giỏi
183.	20522012	Phạm Trần Anh Tiên	KHCL2020.2	8.7	100	Giỏi
184.	20522015	Nguyễn Ngọc Tín	KHCL2020.2	8.85	100	Giỏi
185.	20522090	Phạm Lê Trường	KHCL2020.2	8.17	100	Giỏi
186.	20522107	Đào Trần Anh Tuấn	KHCL2020.2	9.08	100	Xuất sắc
187.	20522161	Trần Phú Vinh	KHCL2020.2	8.07	100	Giỏi
188.	20522176	Đặng Thị Tường Vy	KHCL2020.2	8.4	100	Giỏi
189.	21520008	Lê Công Bình	KHCL2021.1	8.79	100	Giỏi
190.	21520146	Phạm Thị Trâm Anh	KHCL2021.1	9.17	100	Xuất sắc
191.	21520208	Nguyễn Minh Duy	KHCL2021.1	9.47	100	Xuất sắc
192.	21520217	Nguyễn Thị Ngọc Hà	KHCL2021.1	8.92	95	Giỏi
193.	21520242	Phan Huy Hoàng	KHCL2021.1	9.04	97	Xuất sắc
194.	21520253	Nguyễn Quốc Hưng	KHCL2021.1	8.72	95	Giỏi
195.	21520281	Nguyễn Tấn Khang	KHCL2021.1	8.72	95	Giỏi
196.	21520296	Phạm Quốc Anh Khoa	KHCL2021.1	9.08	100	Xuất sắc

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
197.	21520362	Nguyễn Chánh Nghĩa	KHCL2021.1	8.78	98	Giỏi
198.	21520380	Hồ Yến Nhi	KHCL2021.1	8.89	90	Giỏi
199.	21520411	Mai Anh Quân	KHCL2021.1	8.69	100	Giỏi
200.	21520449	Huỳnh Võ Ngọc Thanh	KHCL2021.1	8.84	100	Giỏi
201.	21520456	Trần Xuân Thành	KHCL2021.1	9.04	100	Xuất sắc
202.	21520523	Mai Nhất Tùng	KHCL2021.1	9.12	97	Xuất sắc
203.	21520531	Nguyễn Hà Anh Vũ	KHCL2021.1	9.11	100	Xuất sắc
204.	21520587	Phạm Trâm Anh	KHCL2021.1	8.55	98	Giỏi
205.	21520618	Nguyễn Trần Hoài Bảo	KHCL2021.1	9.26	100	Xuất sắc
206.	21520648	Nguyễn Đình Minh Chí	KHCL2021.1	8	95	Giỏi
207.	21520663	Ngô Xuân Cường	KHCL2021.1	8.9	100	Giỏi
208.	21520711	Phí Quang Đạt	KHCL2021.1	8.01	98	Giỏi
209.	21520846	Ngô Đức Hoàng Hiệp	KHCL2021.1	8.54	100	Giỏi
210.	21520860	Huỳnh Nhật Hòa	KHCL2021.1	8.72	95	Giỏi
211.	21520899	Nguyễn Văn Sỹ Hùng	KHCL2021.1	8.31	95	Giỏi
212.	21520907	Bình Gia Huy	KHCL2021.1	8	95	Giỏi
213.	21520955	Trần Quang Khải	KHCL2021.1	8.12	95	Giỏi
214.	21520976	Huỳnh Hoàng Khánh	KHCL2021.1	8.78	100	Giỏi
215.	21520992	Hồ Đăng Khoa	KHCL2021.1	8.22	100	Giỏi
216.	21521007	Đỗ Minh Khôi	KHCL2021.1	8.78	95	Giỏi
217.	21521009	Nguyễn Nguyên Khôi	KHCL2021.1	8.16	100	Giỏi
218.	21521014	Phạm Trần Xuân Khôi	KHCL2021.1	8.08	95	Giỏi
219.	21521065	Nguyễn Thị Thanh Lan	KHCL2021.1	8.61	100	Giỏi
220.	21521127	Mai Phúc Minh	KHCL2021.1	8.11	95	Giỏi
221.	21521243	Nguyễn Đỗ Quỳnh Như	KHCL2021.1	8.38	100	Giỏi
222.	21521338	Lê Đăng Quang	KHCL2021.1	8.39	95	Giỏi
223.	21521350	Phan Thanh Quang	KHCL2021.1	8.28	90	Giỏi
224.	21521413	Nguyễn Hoàng Tân	KHCL2021.1	8.61	95	Giỏi
225.	21521479	Trương Hữu Thọ	KHCL2021.1	8.38	100	Giỏi
226.	21521550	Phạm Đức Toàn	KHCL2021.1	8.98	100	Giỏi
227.	21521695	Lê Thị Kim Yến	KHCL2021.1	8.6	98	Giỏi
228.	21521815	Trần Quốc An	KHCL2021.1	8.14	100	Giỏi
229.	21521829	Nguyễn Dương Quốc Anh	KHCL2021.1	8.29	100	Giỏi
230.	21521841	Trần Nhật Anh	KHCL2021.1	8.79	95	Giỏi
231.	21521857	Nguyễn Tô Thiên Bảo	KHCL2021.1	9.01	100	Xuất sắc
232.	21521873	Đinh Hoàng Tâm Bình	KHCL2021.1	8.46	95	Giỏi
233.	21521920	Nguyễn Hải Đăng	KHCL2021.1	8.44	98	Giỏi
234.	21521944	Nguyễn Tiến Đạt	KHCL2021.2	8.5	100	Giỏi
235.	21521968	Trần Nhật Đức	KHCL2021.2	8.34	95	Giỏi
236.	21521983	Tổng Trần Tiến Dũng	KHCL2021.2	8.49	95	Giỏi
237.	21521993	Hứa Bảo Duy	KHCL2021.2	8.8	95	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
238.	21522027	Mạc Hoàng Hà	KHCL2021.2	8.7	95	Giỏi
239.	21522028	Nguyễn Như Hà	KHCL2021.2	8.28	100	Giỏi
240.	21522057	Hồ Thị Khánh Hiền	KHCL2021.2	9.15	100	Xuất sắc
241.	21522100	Tô Duy Nguyên Hoàng	KHCL2021.2	8.01	95	Giỏi
242.	21522110	Bùi Mạnh Hùng	KHCL2021.2	9.24	100	Xuất sắc
243.	21522153	Nguyễn Hữu Huy	KHCL2021.2	8.7	95	Giỏi
244.	21522165	Thị Vĩnh Huy	KHCL2021.2	8.08	98	Giỏi
245.	21522188	Lê Duy Khang	KHCL2021.2	9.03	100	Xuất sắc
246.	21522189	Lê Gia Khang	KHCL2021.2	8.89	90	Giỏi
247.	21522201	Trần Vĩ Khang	KHCL2021.2	8.66	100	Giỏi
248.	21522203	Đào Nhật Khánh	KHCL2021.2	8.62	95	Giỏi
249.	21522255	Lê Gia Kiệt	KHCL2021.2	8.8	100	Giỏi
250.	21522280	Nguyễn Đức Lập	KHCL2021.2	8.3	98	Giỏi
251.	21522284	Bùi Lê Khánh Linh	KHCL2021.2	8.5	100	Giỏi
252.	21522295	Lê Trần Bảo Lợi	KHCL2021.2	8.83	100	Giỏi
253.	21522339	Lê Nhật Minh	KHCL2021.2	8.74	95	Giỏi
254.	21522380	Nguyễn Duy Ngọc	KHCL2021.2	8.67	100	Giỏi
255.	21522400	Đỗ Thành Nhân	KHCL2021.2	8.21	95	Giỏi
256.	21522410	Trần Thị Ngọc Nhân	KHCL2021.2	8.84	100	Giỏi
257.	21522414	Đinh Vũ Minh Nhật	KHCL2021.2	8.99	100	Giỏi
258.	21522416	Huỳnh Ngọc Nhất	KHCL2021.2	8.36	90	Giỏi
259.	21522468	Bùi Đăng Phúc	KHCL2021.2	8.17	95	Giỏi
260.	21522487	Bùi Đình Quân	KHCL2021.2	9.04	100	Xuất sắc
261.	21522490	Lê Hồng Quân	KHCL2021.2	8.25	95	Giỏi
262.	21522500	Nguyễn Trần Hoàng Quân	KHCL2021.2	8.26	100	Giỏi
263.	21522518	Trần Minh Quang	KHCL2021.2	9.01	100	Xuất sắc
264.	21522558	Trần Thanh Sơn	KHCL2021.2	8.39	95	Giỏi
265.	21522576	Trần Duy Tân	KHCL2021.2	8.24	100	Giỏi
266.	21522581	Nguyễn Duy Thái	KHCL2021.2	8.64	100	Giỏi
267.	21522595	Lê Đào Xuân Thành	KHCL2021.2	8.66	100	Giỏi
268.	21522621	Huỳnh Công Thiện	KHCL2021.2	9.46	100	Xuất sắc
269.	21522629	Trương Hồ Phước Thiện	KHCL2021.2	8.9	100	Giỏi
270.	21522634	Lê Chi Thịnh	KHCL2021.2	9.57	100	Xuất sắc
271.	21522639	Trần Tấn Thịnh	KHCL2021.2	8.75	95	Giỏi
272.	21522649	Đào Nam Thuận	KHCL2021.2	8.72	95	Giỏi
273.	21522689	Trần Văn Toán	KHCL2021.2	8.51	100	Giỏi
274.	21522700	Cáp Hữu Anh Trí	KHCL2021.2	8.7	100	Giỏi
275.	21522706	Nguyễn Minh Trí	KHCL2021.2	9.08	97	Xuất sắc
276.	21522723	Lê Quốc Trung	KHCL2021.2	8.64	100	Giỏi
277.	21522733	Lê Văn Trường	KHCL2021.2	9.15	97	Xuất sắc
278.	21522734	Vũ Kiên Trường	KHCL2021.2	8.15	95	Giỏi

7

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
279.	21522770	Trần Duy Tùng	KHCL2021.2	8.59	95	Giỏi
280.	21522786	Nguyễn Hoàng Vĩ	KHCL2021.2	8.3	95	Giỏi
281.	18520017	Lê Phước Đạt	KHMT2018	8.3	100	Giỏi
282.	18520033	Hoàng Viễn Duy	KHMT2018	9	100	Xuất sắc
283.	18520068	Phan Gia Huy	KHMT2018	8.83	100	Giỏi
284.	18520118	Nguyễn Duy Nhật	KHMT2018	8.79	100	Giỏi
285.	18520126	Đỗ Nguyễn Thuận Phong	KHMT2018	8.94	100	Giỏi
286.	18520152	Nguyễn Quyết Thắng	KHMT2018	8.58	91	Giỏi
287.	18520158	Phạm Xuân Thiên	KHMT2018	8.98	100	Giỏi
288.	18520192	Trần Hoàng Việt	KHMT2018	8.67	100	Giỏi
289.	18520287	Phan Phát Huy	KHMT2018	8.17	86	Giỏi
290.	18520384	Trần Quốc Toàn	KHMT2018	8.27	81	Giỏi
291.	18520387	Vũ Thị Trang	KHMT2018	8.28	100	Giỏi
292.	18520452	Lê Võ Ngọc Anh	KHMT2018	8.34	100	Giỏi
293.	18520632	Hoàng Văn Dũng	KHMT2018	8.4	96	Giỏi
294.	18520698	Lã Trường Hải	KHMT2018	9	100	Xuất sắc
295.	18520760	Hồ Đặng Thanh Hồ	KHMT2018	9	100	Xuất sắc
296.	18520818	Bùi Đào Gia Huy	KHMT2018	8.32	100	Giỏi
297.	18520892	Nguyễn Hữu Khang	KHMT2018	9	100	Xuất sắc
298.	18520923	Nguyễn Anh Khoa	KHMT2018	8.03	100	Giỏi
299.	18520949	Võ Huy Khôi	KHMT2018	8.4	100	Giỏi
300.	18521067	Vũ Minh Luân	KHMT2018	8.4	100	Giỏi
301.	18521099	Lê Công Minh	KHMT2018	8.8	96	Giỏi
302.	18521101	Lê Đoàn Nhật Minh	KHMT2018	8.4	100	Giỏi
303.	18521247	Phan Lê Phú	KHMT2018	8.47	100	Giỏi
304.	18521273	Lê Thị Ngọc Phương	KHMT2018	8.46	100	Giỏi
305.	18521377	Phan Quang Tấn	KHMT2018	8.63	100	Giỏi
306.	18521394	Nguyễn Hoàng Thắng	KHMT2018	8.53	100	Giỏi
307.	18521442	Nguyễn Đức Thịnh	KHMT2018	8.97	91	Giỏi
308.	18521459	Nguyễn Minh Thông	KHMT2018	8	81	Giỏi
309.	18521479	Trần Doãn Thuyên	KHMT2018	9.5	100	Xuất sắc
310.	18521504	Đinh Thanh Toàn	KHMT2018	9.34	100	Xuất sắc
311.	18521596	Huỳnh Minh Tuấn	KHMT2018	9.34	91	Xuất sắc
312.	19520077	Phan Trọng Hậu	KHMT2019	8.33	100	Giỏi
313.	19520148	Đinh Hoàng Lộc	KHMT2019	8.18	100	Giỏi
314.	19520164	Nguyễn Đăng Minh	KHMT2019	8.42	100	Giỏi
315.	19520195	Lê Quang Nha	KHMT2019	8.37	100	Giỏi
316.	19520214	Cao Hưng Phú	KHMT2019	9.22	100	Xuất sắc
317.	19520227	Nguyễn Ngọc Lan Phương	KHMT2019	9.15	100	Xuất sắc
318.	19520305	Cao Đức Trí	KHMT2019	8.38	100	Giỏi
319.	19520307	Đỗ Minh Trí	KHMT2019	8.73	100	Giỏi

8

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
320.	19520482	Phan Đại Dương	KHMT2019	8.89	100	Giỏi
321.	19521182	Nguyễn Ngọc An	KHMT2019	8.63	100	Giỏi
322.	19521183	Nguyễn Thị Thúy An	KHMT2019	8.77	100	Giỏi
323.	19521216	Trần Huỳnh Kỳ Anh	KHMT2019	8.99	100	Giỏi
324.	19521217	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	KHMT2019	8.05	95	Giỏi
325.	19521222	Trịnh Bá Việt Anh	KHMT2019	8.19	96	Giỏi
326.	19521225	Văn Viết Hiếu Anh	KHMT2019	8.6	100	Giỏi
327.	19521239	Hồ Gia Bảo	KHMT2019	8.21	81	Giỏi
328.	19521271	Đỗ Vũ Gia Cẩn	KHMT2019	8.35	100	Giỏi
329.	19521294	Nguyễn Thành Công	KHMT2019	8.96	100	Giỏi
330.	19521309	Đinh Hoàng Linh Đan	KHMT2019	8.48	100	Giỏi
331.	19521322	Huỳnh Ngọc Công Danh	KHMT2019	9.1	100	Xuất sắc
332.	19521352	Trần Minh Đạt	KHMT2019	8.06	91	Giỏi
333.	19521366	Bùi Cao Doanh	KHMT2019	9.51	100	Xuất sắc
334.	19521385	Bùi Trần Ngọc Dũng	KHMT2019	9.14	100	Xuất sắc
335.	19521388	Hoàng Tiến Dũng	KHMT2019	8.88	100	Giỏi
336.	19521438	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	KHMT2019	9.24	100	Xuất sắc
337.	19521460	Đỗ Hải	KHMT2019	8.78	91	Giỏi
338.	19521470	Hồ Mỹ Hạnh	KHMT2019	8.81	100	Giỏi
339.	19521536	Nguyễn Đạt Huy Hoàng	KHMT2019	8.15	100	Giỏi
340.	19521551	Nông Thanh Hồng	KHMT2019	8.65	100	Giỏi
341.	19521564	Huỳnh Văn Hùng	KHMT2019	8.89	100	Giỏi
342.	19521603	Đỗ Nguyễn Hoàng Huy	KHMT2019	8.84	100	Giỏi
343.	19521642	Vũ Quốc Huy	KHMT2019	8.55	96	Giỏi
344.	19521655	Trần Phan Nhật Kha	KHMT2019	8.13	91	Giỏi
345.	19521725	Ngô Gia Kiệt	KHMT2019	8.81	100	Giỏi
346.	19521731	Nguyễn Đại Kỳ	KHMT2019	8.64	100	Giỏi
347.	19521754	Nguyễn Lộc Linh	KHMT2019	8.55	100	Giỏi
348.	19521759	Trương Xuân Linh	KHMT2019	8.71	100	Giỏi
349.	19521790	Nguyễn Như Long	KHMT2019	8.91	91	Giỏi
350.	19521836	Lê Quang Minh	KHMT2019	8.75	100	Giỏi
351.	19521848	Nguyễn Xuân Minh	KHMT2019	8.25	96	Giỏi
352.	19521858	Võ Tuấn Minh	KHMT2019	8.2	100	Giỏi
353.	19521901	Trần Gia Nghĩa	KHMT2019	8.84	100	Giỏi
354.	19521913	Nguyễn Đức Phương Nguyên	KHMT2019	8.67	100	Giỏi
355.	19521917	Nguyễn Ngọc Thái Nguyên	KHMT2019	8.88	100	Giỏi
356.	19522054	Lê Văn Phước	KHMT2019	8.66	100	Giỏi
357.	19522102	Trần Duy Quang	KHMT2019	8.78	100	Giỏi
358.	19522108	Lương Tường Quy	KHMT2019	8.16	100	Giỏi
359.	19522120	Nguyễn Đình Sang	KHMT2019	8.1	96	Giỏi
360.	19522132	Đinh Trọng Tùng Sơn	KHMT2019	8.13	95	Giỏi

9

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
361.	19522148	Đào Văn Tài	KHMT2019	8.85	100	Giỏi
362.	19522180	Trương Thế Tấn	KHMT2019	8.36	100	Giỏi
363.	19522206	Nguyễn Đức Thắng	KHMT2019	8.35	100	Giỏi
364.	19522224	Hà Văn Thanh	KHMT2019	8.08	86	Giỏi
365.	19522227	Huỳnh Đỗ Tấn Thành	KHMT2019	8.5	100	Giỏi
366.	19522243	Nguyễn Văn Thành	KHMT2019	8.2	100	Giỏi
367.	19522244	Võ Huy Thành	KHMT2019	8.69	100	Giỏi
368.	19522246	Vũ Nguyễn Nhật Thanh	KHMT2019	8.48	100	Giỏi
369.	19522389	Nguyễn Minh Trí	KHMT2019	8.52	95	Giỏi
370.	19522410	Nguyễn Thành Trọng	KHMT2019	8.63	100	Giỏi
371.	19522444	Phan Lê Xuân Trường	KHMT2019	8.14	86	Giỏi
372.	19522449	Hoàng Anh Tú	KHMT2019	8.55	95	Giỏi
373.	19522450	Hoàng Anh Tú	KHMT2019	8.14	96	Giỏi
374.	19522485	Trương Minh Tuấn	KHMT2019	8.57	100	Giỏi
375.	19522495	Phan Tung	KHMT2019	8.83	100	Giỏi
376.	19522515	Lê Dương Khánh Việt	KHMT2019	8.54	100	Giỏi
377.	19522524	Nguyễn Phú Vinh	KHMT2019	8.72	100	Giỏi
378.	19522526	Phạm Quang Vinh	KHMT2019	8.76	100	Giỏi
379.	19522531	Hoàng Xuân Vũ	KHMT2019	8.78	100	Giỏi
380.	19522547	Nguyễn Lâm Thảo Vy	KHMT2019	8.18	100	Giỏi
381.	19522571	Huỳnh Phạm Việt Pháp	KHMT2019	8.32	100	Giỏi
382.	20520047	Bùi Duy Anh Đức	KHMT2020	8.76	100	Giỏi
383.	20520154	Nguyễn Thành Đạt	KHMT2020	9.1	100	Xuất sắc
384.	20520184	Nguyễn Trung Hiếu	KHMT2020	8.82	100	Giỏi
385.	20520193	Cao Văn Hùng	KHMT2020	8.53	100	Giỏi
386.	20520276	Nguyễn Đức Anh Phúc	KHMT2020	8.37	100	Giỏi
387.	20520309	Lại Chí Thiện	KHMT2020	8.15	100	Giỏi
388.	20520355	Lê Thị Phương Vy	KHMT2020	8.82	100	Giỏi
389.	20520436	Nguyễn Văn Thành Đạt	KHMT2020	8.37	100	Giỏi
390.	20520480	Hồ Hồng Hà	KHMT2020	8.12	100	Giỏi
391.	20520481	Lê Trương Ngọc Hải	KHMT2020	8.65	100	Giỏi
392.	20520547	Nguyễn Thái Huy	KHMT2020	8.85	100	Giỏi
393.	20520569	Nguyễn Phúc Khang	KHMT2020	8.12	100	Giỏi
394.	20520771	Nguyễn Đình Thi	KHMT2020	8.09	94	Giỏi
395.	20520781	Lê Việt Thịnh	KHMT2020	8.93	100	Giỏi
396.	20520817	Lê Ngọc Mỹ Trang	KHMT2020	8.18	100	Giỏi
397.	20520843	Lâm Minh Tuấn	KHMT2020	9.06	100	Xuất sắc
398.	20520991	Đặng Văn Duy	KHMT2020	8.18	100	Giỏi
399.	20521129	Chu Kim Chí	KHMT2020	8.82	100	Giỏi
400.	20521137	Trương Văn Chính	KHMT2020	8.77	100	Giỏi
401.	20521189	Đinh Quang Đông	KHMT2020	8.51	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
402.	20521424	Văn Nguyễn Ngọc Huyền	KHMT2020	8.9	100	Giỏi
403.	20521492	Võ Trung Kiên	KHMT2020	8.85	100	Giỏi
404.	20521494	Huỳnh Viết Tuấn Kiệt	KHMT2020	8.63	100	Giỏi
405.	20521587	Trần Văn Lực	KHMT2020	8.67	100	Giỏi
406.	20521591	Ngô Văn Tấn Lưu	KHMT2020	8.55	100	Giỏi
407.	20521597	Đinh Nhật Minh	KHMT2020	8.79	100	Giỏi
408.	20521599	Lê Minh	KHMT2020	8.7	100	Giỏi
409.	20521852	Ngô Ngọc Sương	KHMT2020	8.38	100	Giỏi
410.	20521861	Phạm Tấn Tài	KHMT2020	8.15	100	Giỏi
411.	20521881	Trần Nguyễn Nhật Tân	KHMT2020	8.49	100	Giỏi
412.	20521907	Trương Thành Thắng	KHMT2020	8.76	100	Giỏi
413.	20521997	Vương Vĩnh Thuận	KHMT2020	8.3	100	Giỏi
414.	20522081	Hàn Phi Trường	KHMT2020	8.48	100	Giỏi
415.	20522087	Nguyễn Nhật Trường	KHMT2020	8.51	100	Giỏi
416.	21520055	Phạm Thanh Lâm	KHMT2021	9.26	100	Xuất sắc
417.	21520097	Trần Siêu	KHMT2021	9.39	97	Xuất sắc
418.	21520213	Lê Châu Giang	KHMT2021	9.11	100	Xuất sắc
419.	21520229	Tăng Minh Hiền	KHMT2021	8.79	100	Giỏi
420.	21520331	Châu Thiên Long	KHMT2021	9.39	100	Xuất sắc
421.	21520334	Nguyễn Thái Thành Long	KHMT2021	8.53	100	Giỏi
422.	21520375	Thái Thiện Nhân	KHMT2021	8.27	100	Giỏi
423.	21520383	Trần Tuyết Nhi	KHMT2021	8.78	95	Giỏi
424.	21520428	Lê Tiến Quyết	KHMT2021	9.27	100	Xuất sắc
425.	21520445	Nguyễn Hồng Thái	KHMT2021	8.67	100	Giỏi
426.	21520463	Đào Duy Thịnh	KHMT2021	8.71	100	Giỏi
427.	21520472	Nguyễn Minh Thư	KHMT2021	9.65	100	Xuất sắc
428.	21520486	Nguyễn Đình Minh Toàn	KHMT2021	9.51	97	Xuất sắc
429.	21520524	Nguyễn Phương Tùng	KHMT2021	8.86	100	Giỏi
430.	21520548	Nguyễn Trọng Ân	KHMT2021	8.76	100	Giỏi
431.	21520553	Trần Hoài An	KHMT2021	8.09	90	Giỏi
432.	21520705	Nguyễn Thành Đạt	KHMT2021	8.94	100	Giỏi
433.	21520769	Hồ Đình Duy	KHMT2021	8.87	100	Giỏi
434.	21520810	Thân Nguyễn Đức Hải	KHMT2021	8.44	96	Giỏi
435.	21520812	Vũ Duy Hải	KHMT2021	8.27	86	Giỏi
436.	21520832	Võ Anh Hào	KHMT2021	9.47	100	Xuất sắc
437.	21520894	Nguyễn Duy Hưng	KHMT2021	8.72	100	Giỏi
438.	21520952	Hoàng Quang Khải	KHMT2021	9.15	100	Xuất sắc
439.	21521018	Trần Vũ Minh Khôi	KHMT2021	8.66	100	Giỏi
440.	21521024	Nguyễn Trung Kiên	KHMT2021	8.37	90	Giỏi
441.	21521037	Nguyễn Văn Kiệt	KHMT2021	8.31	90	Giỏi
442.	21521135	Nguyễn Nhật Minh	KHMT2021	9.26	100	Xuất sắc

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
443.	21521160	Nguyễn Nhật Nam	KHMT2021	8.78	100	Giỏi
444.	21521168	Phạm Thị Nga	KHMT2021	9.41	100	Xuất sắc
445.	21521200	Nguyễn Công Nguyên	KHMT2021	8.86	90	Giỏi
446.	21521211	Lê Minh Nguyệt	KHMT2021	9.19	100	Xuất sắc
447.	21521276	Trần Nhật Phong	KHMT2021	8.91	95	Giỏi
448.	21521412	Nguyễn Bá Tân	KHMT2021	8.73	93	Giỏi
449.	21521417	Trương Vũ Minh Tân	KHMT2021	8.76	95	Giỏi
450.	21521438	Đoàn Lê Tuấn Thành	KHMT2021	9.14	100	Xuất sắc
451.	21521465	Trần Ngọc Thiện	KHMT2021	9.09	95	Xuất sắc
452.	21521506	Nguyễn Ngọc Thúc	KHMT2021	9.1	100	Xuất sắc
453.	21521514	Nguyễn Thị Thùy	KHMT2021	8.89	95	Giỏi
454.	21521546	Nguyễn Gia Toàn	KHMT2021	8.18	90	Giỏi
455.	21521598	Trần Lê Bảo Trung	KHMT2021	8.48	95	Giỏi
456.	21521635	Nguyễn Thanh Tuấn	KHMT2021	8.51	100	Giỏi
457.	21521679	Lê Tuấn Vũ	KHMT2021	9.12	100	Xuất sắc
458.	21521992	Võ Đức Dương	KHMT2021	8.99	100	Giỏi
459.	21522025	Nguyễn Nguyên Giáp	KHMT2021	9.43	97	Xuất sắc
460.	21522089	Lê Minh Hoàng	KHMT2021	8.06	100	Giỏi
461.	21522117	Lý Quốc Hưng	KHMT2021	8.26	100	Giỏi
462.	21522119	Nguyễn Sỹ Hùng	KHMT2021	8.51	95	Giỏi
463.	21522121	Nguyễn Văn Hùng	KHMT2021	8.73	89	Giỏi
464.	21522320	Nguyễn Bùi Thanh Mai	KHMT2021	8.09	83	Giỏi
465.	21522477	Phan Thành Phúc	KHMT2021	8.04	100	Giỏi
466.	21522502	Phan Tiến Quân	KHMT2021	8.69	95	Giỏi
467.	21522507	Bùi Thành Quang	KHMT2021	8.42	100	Giỏi
468.	21522509	Hoàng Anh Đức Đăng Quang	KHMT2021	8.59	94	Giỏi
469.	21522628	Phan Văn Thiện	KHMT2021	8.63	98	Giỏi
470.	21522679	Trần Trung Tín	KHMT2021	9.36	100	Xuất sắc
471.	21522717	Nguyễn Khánh Trình	KHMT2021	9.08	100	Xuất sắc
472.	21522730	Hồ Đức Trường	KHMT2021	9.46	100	Xuất sắc
473.	21522792	Phạm Quốc Việt	KHMT2021	8.06	100	Giỏi
474.	21522808	Võ Minh Vũ	KHMT2021	8.84	83	Giỏi
475.	21522814	Phan Quốc Vỹ	KHMT2021	8.26	98	Giỏi
476.	20520174	Lê Nguyễn Bảo Hân	KHNT2020	8.78	100	Giỏi
477.	20520208	Lê Nhật Kha	KHNT2020	9.13	100	Xuất sắc
478.	20520290	Lê Viêt Lâm Quang	KHNT2020	8.03	100	Giỏi
479.	20520330	Nguyễn Thanh Trọng	KHNT2020	8.13	100	Giỏi
480.	20520332	Bùi Nguyễn Anh Trung	KHNT2020	8.54	100	Giỏi
481.	20520344	Nguyễn Hoàng Tuấn	KHNT2020	8.7	100	Giỏi
482.	20520394	Nguyễn Trần Minh Anh	KHNT2020	8.63	100	Giỏi
483.	20520490	Nguyễn Đặng Nhật Hào	KHNT2020	8.4	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
484.	20520589	Trần Đăng Khoa	KHNT2020	8.44	100	Giỏi
485.	20520654	Mai Duy Ngọc	KHNT2020	8.92	100	Giỏi
486.	20520699	Đào Danh Đăng Phụng	KHNT2020	8.97	100	Giỏi
487.	20521300	Nguyễn Hồng Hậu	KHNT2020	8.68	100	Giỏi
488.	20521394	Lê Nguyễn Minh Huy	KHNT2020	8.56	100	Giỏi
489.	20521592	Nguyễn Minh Lý	KHNT2020	8.79	100	Giỏi
490.	20521888	Nguyễn Khắc Thái	KHNT2020	8.58	100	Giỏi
491.	20521895	Lê Quang Thắng	KHNT2020	8.76	100	Giỏi
492.	20522001	Phan Tấn Thương	KHNT2020	8.12	100	Giỏi
493.	20522116	Nguyễn Đặng Quang Tuấn	KHNT2020	8.81	100	Giỏi
494.	21520027	Đặng Quang Hải	KHNT2021	8.31	100	Giỏi
495.	21520195	Lê Ngô Minh Đức	KHNT2021	9.05	100	Xuất sắc
496.	21520232	Hoàng Minh Hiếu	KHNT2021	8.84	100	Giỏi
497.	21520274	Trương Văn Khải	KHNT2021	9.26	100	Xuất sắc
498.	21520352	Trần Xuân Minh	KHNT2021	8.54	100	Giỏi
499.	21520444	Hoàng Nguyên Thái	KHNT2021	8.3	100	Giỏi
500.	21520497	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	KHNT2021	9.27	100	Xuất sắc
501.	21520707	Nguyễn Tiến Đạt	KHNT2021	8.84	95	Giỏi
502.	21520730	Nguyễn Minh Đức	KHNT2021	9.01	100	Xuất sắc
503.	21521026	Nguyễn Trung Kiên	KHNT2021	8.38	100	Giỏi
504.	21521042	Nguyễn Tuấn Kiệt	KHNT2021	8.59	98	Giỏi
505.	21521064	Huỳnh Phước Lân	KHNT2021	8.52	100	Giỏi
506.	21521377	Đặng Phước Sang	KHNT2021	8.94	100	Giỏi
507.	21521504	Võ Viết Thuận	KHNT2021	9.48	97	Xuất sắc
508.	21521659	Bùi Huỳnh Kim Uyên	KHNT2021	8.71	100	Giỏi
509.	21521924	Ngô Phúc Danh	KHNT2021	8.67	100	Giỏi
510.	21521967	Thái Nguyễn Gia Đức	KHNT2021	8.27	100	Giỏi
511.	21522124	Phạm Văn Hùng	KHNT2021	8.85	100	Giỏi
512.	21522274	Lê Nguyễn Hoàng Lâm	KHNT2021	9.04	100	Xuất sắc
513.	21522383	Trần Gia Bảo Ngọc	KHNT2021	8.22	100	Giỏi
514.	21522510	Lê Minh Quang	KHNT2021	8.43	100	Giỏi
515.	21522542	Đoàn Nhật Sang	KHNT2021	9.4	100	Xuất sắc
516.	21522740	Nguyễn Công Mỹ Từ	KHNT2021	8.09	100	Giỏi
517.	21522818	Lê Thị Như Ý	KHNT2021	8.42	100	Giỏi
518.	18520072	Trần Đình Khang	KHTN2018	9.51	100	Xuất sắc
519.	18520120	Phạm Lê Quang Nhật	KHTN2018	9.7	100	Xuất sắc
520.	18520166	Phạm Mạnh Tiến	KHTN2018	8.9	95	Giỏi
521.	18520185	Đồng Quốc Tuấn	KHTN2018	9	100	Xuất sắc
522.	18520194	Trương Đức Vũ	KHTN2018	8.7	100	Giỏi
523.	18520212	Nguyễn Xuân Dương	KHTN2018	9.3	100	Xuất sắc
524.	18520440	Võ Quốc An	KHTN2018	8.8	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
525.	18520473	Trần Trung Anh	KHTN2018	8	100	Giỏi
526.	18520503	Võ Linh Bảo	KHTN2018	9.4	100	Xuất sắc
527.	18520573	Nguyễn Phúc Đạt	KHTN2018	8.8	100	Giỏi
528.	18520896	Trần Đình Khang	KHTN2018	9.7	100	Xuất sắc
529.	18521182	Thái Hoàng Nhân	KHTN2018	8.73	100	Giỏi
530.	18521326	Nguyễn Lâm Quỳnh	KHTN2018	9	100	Xuất sắc
531.	18521422	Trần Thị Phương Thảo	KHTN2018	8.71	100	Giỏi
532.	19520125	Ngô Hữu Mạnh Khanh	KHTN2019	9.45	100	Xuất sắc
533.	19520166	Phan Nhật Minh	KHTN2019	8.1	100	Giỏi
534.	19520218	Nguyễn Minh Phú	KHTN2019	8.52	100	Giỏi
535.	19520289	Hồ Quốc Thư	KHTN2019	8.28	100	Giỏi
536.	19520354	Ngô Quang Vinh	KHTN2019	9.55	100	Xuất sắc
537.	19520624	Hồ Chung Đức Khánh	KHTN2019	8.36	100	Giỏi
538.	19520874	Dương Văn Nhật Quang	KHTN2019	8.39	100	Giỏi
539.	19520951	Trần Quốc Thắng	KHTN2019	9.22	100	Xuất sắc
540.	19521178	Nguyễn Đình Bình An	KHTN2019	9.18	100	Xuất sắc
541.	19521282	Võ Đăng Châu	KHTN2019	8.35	100	Giỏi
542.	19521287	Nguyễn Văn Chính	KHTN2019	9.04	100	Xuất sắc
543.	19521300	Nguyễn Đỗ Mạnh Cường	KHTN2019	9.35	100	Xuất sắc
544.	19521316	Nguyễn Hải Đăng	KHTN2019	8.03	100	Giỏi
545.	19521599	Châu Ngọc Huy	KHTN2019	8.14	100	Giỏi
546.	19521855	Trần Công Minh	KHTN2019	8.62	100	Giỏi
547.	19521863	Phạm Đỗ Hoàng My	KHTN2019	8.29	100	Giỏi
548.	19521907	Nguyễn Phương Bảo Ngọc	KHTN2019	8.94	100	Giỏi
549.	19521908	Phan Tiến Ngọc	KHTN2019	8.21	100	Giỏi
550.	19522065	Nguyễn Thị Minh Phương	KHTN2019	9.24	100	Xuất sắc
551.	19522155	Phạm Viết Tài	KHTN2019	8.09	100	Giỏi
552.	19522424	Lê Hữu Trung	KHTN2019	9.13	100	Xuất sắc
553.	19522489	Đặng Quang Anh Tuấn	KHTN2019	8.04	100	Giỏi
554.	20520043	Phan Doãn Thái Bình	KHTN2020	8.55	100	Giỏi
555.	20520051	Nguyễn Quốc Huy Hoàng	KHTN2020	9.1	100	Xuất sắc
556.	20520055	Nguyễn Vĩnh Hưng	KHTN2020	8.29	100	Giỏi
557.	20520056	Lê Nhật Huy	KHTN2020	9.08	100	Xuất sắc
558.	20520066	Mai Trung Kiên	KHTN2020	8.14	100	Giỏi
559.	20520070	Lê Nhật Minh	KHTN2020	8.38	100	Giỏi
560.	20520073	Lê Nguyễn Khánh Nam	KHTN2020	8.73	100	Giỏi
561.	20520079	Nguyễn Tư Thành Nhân	KHTN2020	8.58	100	Giỏi
562.	20520093	Lê Thế Việt	KHTN2020	8.77	100	Giỏi
563.	20520094	Lương Triều Vỹ	KHTN2020	8.28	100	Giỏi
564.	20520198	Nguyễn Tiến Hưng	KHTN2020	8.55	100	Giỏi
565.	20520222	Trần Hữu Khoa	KHTN2020	8.26	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
566.	20520243	Lê Đoàn Phúc Minh	KHTN2020	8.5	100	Giỏi
567.	20520275	Danh Võ Hồng Phúc	KHTN2020	8.12	100	Giỏi
568.	20520347	Lê Xuân Tùng	KHTN2020	8.98	100	Giỏi
569.	20520410	Trần Thái Bảo	KHTN2020	9.3	100	Xuất sắc
570.	20520835	Phạm Nguyễn Xuân Trường	KHTN2020	8.08	100	Giỏi
571.	20520864	Huỳnh Hoàng Vũ	KHTN2020	8.77	100	Giỏi
572.	20521011	Nguyễn Trần Tiến	KHTN2020	8.74	100	Giỏi
573.	20521531	Lê Phước Vĩnh Linh	KHTN2020	8.65	100	Giỏi
574.	21520006	Nguyễn Trần Việt Anh	KHTN2021	8.58	91	Giỏi
575.	21520012	Lê Chí Cường	KHTN2021	8.9	91	Giỏi
576.	21520029	Huỳnh Đặng Vĩnh Hiền	KHTN2021	9.14	100	Xuất sắc
577.	21520033	Hà Văn Hoàng	KHTN2021	9.17	100	Xuất sắc
578.	21520063	Lê Thanh Minh	KHTN2021	8.83	100	Giỏi
579.	21520064	Trương Thanh Minh	KHTN2021	8.93	100	Giỏi
580.	21520069	Võ Trần Thu Ngân	KHTN2021	9.39	100	Xuất sắc
581.	21520085	Tô Anh Phát	KHTN2021	8.77	100	Giỏi
582.	21520093	Võ Minh Quân	KHTN2021	8.51	100	Giỏi
583.	21520110	Nguyễn Trường Thịnh	KHTN2021	8.51	100	Giỏi
584.	21520117	Phan Trường Trí	KHTN2021	8.89	100	Giỏi
585.	21520142	Nguyễn Tuấn Anh	KHTN2021	9.09	100	Xuất sắc
586.	21520239	Đoàn Nguyễn Trần Hoàn	KHTN2021	8.74	86	Giỏi
587.	21520373	Nguyễn Đức Nhân	KHTN2021	8.28	100	Giỏi
588.	21520378	Nguyễn Việt Nhật	KHTN2021	9.33	100	Xuất sắc
589.	21520436	Hà Trọng Tài	KHTN2021	9.51	100	Xuất sắc
590.	21520474	Lê Hoài Thương	KHTN2021	9	100	Xuất sắc
591.	21521050	Huỳnh Phạm Đức Lâm	KHTN2021	8.99	100	Giỏi
592.	21521109	Trần Hoàng Bảo Ly	KHTN2021	8.5	98	Giỏi
593.	21521501	Nguyễn Hoàng Thuận	KHTN2021	8.85	100	Giỏi
594.	21521604	Nguyễn Quốc Trường	KHTN2021	8.08	100	Giỏi
595.	21521821	Lê Châu Anh	KHTN2021	8.37	100	Giỏi
596.	21521845	Lương Toàn Bách	KHTN2021	8.99	100	Giỏi
597.	21522034	Nguyễn Hoàng Hải	KHTN2021	8.76	100	Giỏi
598.	21522282	Lê Thị Liên	KHTN2021	9.24	100	Xuất sắc
599.	21522407	Phan Trọng Nhân	KHTN2021	9.04	100	Xuất sắc

Danh sách gồm 599 sinh viên.